



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2007**

TP. Hồ Chí Minh, tháng 06 năm 2008

Mục lục

Phần A: TỔNG QUAN CÔNG TY SPT	3
I. Thông tin chung	3
II. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển	3
III. Định hướng phát triển	5
Phần B: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG	7
I. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm	7
II. Tình hình thực hiện so với năm trước	7
III. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	8
IV. Báo cáo tình hình tài chính	10
V. Những tiến bộ Công ty SPT đã đạt được	10
VI. Các biện pháp kiểm soát	11
VII. Kế hoạch phát triển trong tương lai	11
Phần C: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BẢN GIẢI TRÌNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN	13
Phần D: CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	18
Phần E: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	20
I. Cơ cấu tổ chức Công ty	21
II. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Điều hành Công ty	21
III. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động	23
Phần F: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	23
I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	23
II. Thống kê về cổ đông	31

Phần A

TỔNG QUAN CÔNG TY SPT

I. Thông tin chung

- Tên giao dịch tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

- Tên giao dịch đối ngoại: **SAIGON POSTEL CORP.**

- Tên viết tắt: **SPT**

- Trụ sở chính: 199 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (84.8) 404 0608 Fax: (84.8) 404 0609

- Email: vpct@spt.vn

- Website: <http://www.spt.vn>

- Mã số thuế: 0300849034 – 1

- Tài khoản:

+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

. Tài khoản Việt Nam đồng: 007.100.0020593

. Tài khoản ngoại tệ: 007.137.0100333

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

. Tài khoản Việt Nam đồng: 4211.30.00.00.0165

. Tài khoản ngoại tệ: 4221.30.37.00.0165

II. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT) thành lập theo Giấy phép số 2914/GP.UB ngày 27/12/1995.

Công ty SPT là Công ty cổ phần đầu tiên hoạt động trong lĩnh vực Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất, lắp ráp thiết bị viễn thông, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị bưu chính viễn thông. Thiết kế, lắp đặt, bảo trì hệ thống thiết bị thuê bao và mạng lưới bưu chính viễn thông chuyên dùng. Xây dựng công trình bưu chính viễn thông. Kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông. Cung cấp dịch vụ Internet công cộng (ISP), cung cấp thông tin lên mạng Internet (ICP), thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ điện thoại trung kế vô tuyến, thiết lập mạng viễn thông công

cộng và cung cấp các dịch vụ viễn thông, thiết lập mạng lưới và kinh doanh các dịch vụ viễn thông. Kinh doanh các loại hình dịch vụ bưu chính trong nước và quốc tế, làm đại lý ủy thác chuyển phát tài liệu, chứng từ kinh doanh và hàng hóa trong phạm vi cả nước (phải thực hiện theo qui định của pháp luật). Cung cấp các loại dịch vụ viễn thông sử dụng giao thức IP. Mua bán điện thoại. Cung cấp dịch vụ kết nối Internet (IXP): dịch vụ kết nối Internet trong nước (NIX) và dịch vụ kết nối Internet quốc tế (IIG). Chuyển tiền nhanh. Dịch vụ quảng cáo. Thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ thông tin di động mặt đất. Cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet viễn thông. Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo hành thiết bị đầu cuối.

Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Dịch vụ nhà đất. Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Trang trí nội-ngoại thất. Lắp đặt hệ thống điện dân dụng và công nghiệp, ăng ten truyền hình, cáp và mạng thông tin, thiết bị bảo vệ, báo động, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị cấp thoát nước, điều hòa không khí, hệ thống sấy, hút bụi, thông gió, cầu thang, thang máy, băng chuyền tự động.

2.2. Tình hình hoạt động:

Năm 1996, Công ty SPT bắt đầu triển khai dịch vụ bưu chính, chuyển phát tại thị trường Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay trong năm tiếp theo, Công ty SPT chính thức cung cấp dịch vụ Internet (ISP) với thương hiệu SaigonNet, trở thành một trong bốn nhà cung cấp dịch vụ Internet đầu tiên tại Việt Nam.

Từ 2001, Công ty SPT triển khai cung cấp dịch vụ VoIP đường dài trong nước và quốc tế với thương hiệu 177. Cho đến nay, các loại thẻ gọi điện thoại quốc tế SnetFone, SnetUS, SnetAsia, AloVoiz, Svoiz, Fone24h đã chiếm ưu thế vượt trội trên thị trường thẻ PC-2-Phone chính thức tại Việt Nam. Riêng về lưu lượng quốc tế VoIP chiều quốc tế về Việt Nam, Công ty SPT chiếm đến hơn 30% tổng thị phần của cả nước, mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty.

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty SPT đã đưa mạng điện thoại cố định đầu số 4 vào khai thác và đang thiết lập hạ tầng để mở rộng ra các tỉnh thành lân cận. Công ty đã đạt hơn 150.000 thuê bao cố định và ADSL. Đặc biệt, Công ty SPT là đơn vị phục vụ trọn gói dịch vụ viễn thông tại khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng và nhiều khu dân cư tập trung, chung cư, cao ốc văn phòng.

Trong lĩnh vực di động, Công ty SPT là người đi tiên phong trong việc triển khai mạng điện thoại di động sử dụng công nghệ CDMA 2000-1x EV-DO tại Việt Nam với thương hiệu S-Fone. Đây là dự án hợp tác kinh doanh với Công ty SLD Telecom Pte., Ltd. một đối tác Hàn Quốc có nhiều tiềm lực và uy tín. Mạng di động S-Fone ngày càng được củng cố hoàn thiện để cung cấp cho khách hàng nhiều loại hình dịch vụ đa dạng, chất lượng tốt với giá cả cạnh tranh trên phạm vi cả nước. Cho đến nay, Mạng S-Fone là mạng di động duy nhất cung cấp dịch vụ truy cập Internet tốc độ cao qua USB và dịch vụ Tivi trên sóng

di động.

Đến nay, Công ty SPT đã có gần như đầy đủ các giấy phép quan trọng của ngành Bưu chính Viễn thông Việt Nam, đặc biệt 02 giấy phép thiết lập hạ tầng mạng trực quốc gia và quốc tế.

Thành công bước đầu của Công ty SPT càng được khích lệ thêm bởi những ghi nhận của lãnh đạo cấp trên. Từ năm 2001 đến năm 2004, Công ty SPT được Chính phủ và Thành phố tặng nhiều Bằng khen, Cờ Đơn vị xuất sắc và đặc biệt năm 2005 được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động Hạng 3. Liên tục trong 2 năm 2006 và 2007, Công ty SPT đoạt giải “Thương hiệu mạnh” trong Chương trình Thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo Kinh tế Việt Nam phối hợp Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Thương mại) tổ chức.

Hàng năm, các chương trình “Dân ta biết sử ta”, “Đồng hành vì người nghèo”, “Ngày hội hiến máu nhân đạo” của Công ty SPT thu hút đông đảo người tham gia và tạo dư luận tốt trong xã hội. Với tổng doanh thu bình quân xấp xỉ 1000 tỷ đồng/năm, Công ty SPT đóng góp khá tốt cho ngân sách nhà nước.

Công ty SPT đang từng bước mở rộng mạng lưới cung cấp các loại hình dịch vụ tại 64 tỉnh thành trong cả nước và đầu tư ra nước ngoài. Hiện Công ty SPT đang cung cấp nhiều loại hình dịch vụ cho hàng triệu thuê bao; thị phần ngày càng mở rộng; thương hiệu SPT được nhận diện rộng rãi. Vốn điều lệ Công ty tăng nhiều lần so với 50 tỷ đồng ban đầu. Trong những năm gần đây, tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông Công ty đạt tỉ lệ từ 12% - 20%/năm trên vốn góp.

Sau hơn 12 năm hoạt động và phát triển với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ viên chức, Công ty SPT đã khẳng định thương hiệu và vị thế SPT trên thị trường bưu chính viễn thông trong nước và quốc tế.

III. Định hướng phát triển

3.1. Về dịch vụ:

Triển khai kế hoạch mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ ra phạm vi toàn quốc một cách phù hợp, hiệu quả. Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ và chất lượng phục vụ.

Nghiên cứu phát triển các dịch vụ mới, các dịch vụ giá trị gia tăng để mang thêm các lợi ích cho khách hàng và khai thác sử dụng có hiệu quả hạ tầng viễn thông theo định hướng băng rộng, đa dịch vụ đã và đang được đầu tư.

3.2. Về hạ tầng và công nghệ:

Xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông trong nước và quốc tế của công ty dựa trên nền công nghệ tiên tiến, dung lượng lớn, đồng bộ, có đủ năng lực để cung cấp đa dịch vụ băng rộng phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ (thoại, dữ liệu, hình ảnh).

Nghiên cứu cập nhật các khuynh hướng phát triển công nghệ, dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin trên thế giới. Có chiến lược phù hợp và kế hoạch ứng dụng hiệu quả vào phát triển hạ tầng mạng lưới và dịch vụ của Công ty.

3.3. Quản trị doanh nghiệp:

Triển khai kế hoạch nghiên cứu tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, áp dụng phương thức quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cải thiện các quy trình vận hành của Công ty.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến khách hàng. Hình thành và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, gắn bó với doanh nghiệp, có trách nhiệm với khách hàng và với cổ đông của Công ty.

3.4. Quan hệ với đối tác, cổ đông, khách hàng:

Tích cực xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác bình đẳng, hiệu quả với các đối tác trong và ngoài nước cho sự phát triển của Công ty.

Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các cổ đông hiện hữu của Công ty. Có định hướng tìm cổ đông chiến lược là doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước có kiến thức, kinh nghiệm về ngành nghề liên quan, có khả năng hỗ trợ về chuyên môn, về tài chính, về quản trị doanh nghiệp... đóng góp hiệu quả vào việc mang lại giá trị tăng thêm đối với hoạt động của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách và quy trình phục vụ, quy trình chăm sóc đối với khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Xây dựng phong cách phục vụ thân thiện, chuyên nghiệp, phấn đấu để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng và trở thành một công ty có được sự lựa chọn cao từ khách hàng.

Phần B

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

I. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

- Bổ sung vốn điều lệ từ 250 tỷ lên 325 tỷ vào tháng 6/2007.
- Thử nghiệm hoàn tất dự án mạng thế hệ mới NGN giai đoạn I, bước khởi đầu cho việc mở rộng khai thác dịch vụ ra khu vực ngoài TP HCM.
- SPT được cấp giấy chứng nhận đầu tư vào Khu công nghệ cao trong tháng 6/2007 với 10.000 m² để xây dựng Trung tâm điều hành, đào tạo và nghiên cứu của SPT.
- Khánh thành tòa nhà Văn phòng SPT tại Đà Nẵng vào tháng 8/2007 với tổng trị giá 32 tỷ đồng, đã đưa vào khai thác có hiệu quả.
- Chính thức được phép tham gia và thực hiện đầu tư vào dự án xây dựng và bảo dưỡng tuyến cáp quang biển AAG, dự kiến đưa vào khai thác năm 2009 với băng thông tăng vượt bậc cùng nhiều cơ hội kinh doanh quốc tế.
- Sản lượng VoIP Quốc tế tăng trưởng tốt nhất trong 6 năm qua. Đây là dịch vụ có nguồn thu và hiệu quả khá tốt trong năm 2007.
- Thuê bao di động S-Fone vượt con số 3,5 triệu thuê bao tích lũy, đầu tư trong năm 2007 là 32 triệu USD.
- Giá trị đầu tư năm 2007 tăng đáng kể do nguồn vốn được bổ sung tốt.
- Được xếp hạng 133 trong Top 200 doanh nghiệp Việt Nam theo bảng sắp hạng của UNDP, có vị trí trong top 100 thuộc danh sách 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR500.

II. Tình hình thực hiện so với năm trước

2.1. Về kinh doanh:

- Doanh thu: 922,05 tỷ đồng, đạt 83,3% kế hoạch và bằng 102,2% so với thực hiện 2006 (đã trừ doanh thu khuyến mãi).
- Lợi nhuận trước thuế: 81,38 tỷ đồng, đạt 84% kế hoạch và bằng 107,7% so với thực hiện 2006. Khấu hao: đạt 110,3 tỷ đồng, lũy kế đến 31/12/2007: 419,9 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận và khấu hao năm 2007: 191,6 tỷ đồng đạt 83,2% kế hoạch và bằng 99% so với thực hiện 2006.
- Nộp ngân sách Nhà nước: 43 tỷ đồng, tăng 154% so với năm 2006.
- Lao động bình quân trong năm: 1.606 người. Thu nhập bình quân: 4,1

triệu đồng/người/tháng (không tính các đơn vị hợp doanh).

2.2. Về đầu tư:

- Trong năm 2007, tổng cộng 42 dự án đầu tư mới được lập, thẩm định, ban hành Quyết định đầu tư.
- Tổng giá trị ký hợp đồng trong năm là 555,79 tỷ, bằng 68,6% kế hoạch với tổng giá trị đầu tư đưa vào khai thác là: 246,51 tỷ đồng.
- Tổng giá trị đầu tư hoàn thành năm 2007: 222,98 tỷ đồng, được phân bổ cho các hạng mục sau:
 - Mạng Điện thoại cố định: 164,91 tỷ đồng.
 - VoIP và Internet: 16,99 tỷ đồng.
 - Bưu chính: 0,67 tỷ đồng.
 - Các dự án khác: 40,42 tỷ đồng.
(chăm sóc khách hàng, xây lắp công trình viễn thông, truyền dẫn...)

2.3. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ Công ty SPT tính đến thời điểm 31/12/2007 là 325 tỷ đồng (Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064090 ngày 17/10/1996, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 06/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

III. Triển vọng và kế hoạch 2008

3.1. Dự báo chung năm 2008:

- Lợi thế từ việc có đầy đủ giấy phép hạ tầng mạng viễn thông phục vụ nhu cầu đầu tư phát triển, cung cấp dịch vụ
- Nền tảng thuận lợi của những dự án mới đang triển khai AAG, NGN, Mạng truyền dẫn Microwave, đầu tư vào Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, các tòa nhà văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ...
- Có sự tham gia góp vốn của các cổ đông có tiềm lực kinh tế mạnh, tầm nhìn đầu tư chiến lược dài hạn.
- Nền kinh tế theo dự báo tăng trưởng sẽ chậm lại, GDP ước 7.2-7.6%. Lạm phát trong năm 2008 sẽ khó kiểm soát (dự báo 22-25%), điều này làm ảnh hưởng đến việc thay đổi hành vi tiêu dùng và người dân sẽ chi tiêu tiết kiệm hơn. Khả năng hình thành các liên minh, hợp tác giữa các công ty thuộc nhiều ngành nghề giống nhau hay khác nhau để tồn tại và phát triển.
- Việc vay vốn sẽ rất khó khăn và lãi suất cho vay sẽ ở mức cao gây áp lực lớn trong việc xác lập nguồn vốn đầu tư. Nhà nước sẽ quản

lý chặt chẽ hơn về tài nguyên tần số, kho số. Các chính sách quản lý vĩ mô sẽ điều chỉnh theo hướng tuân thủ các cam kết với quốc tế. Cuộc chạy đua giữa các Công ty viễn thông trong việc thi tuyển các Giấy phép 3G, Wimax. Việc ra đời của một số nhà cung cấp dịch vụ mới, sự cạnh tranh sẽ gay gắt hơn.

3.2. Định hướng kinh doanh năm 2008:

- Năm 2008, SPT sẽ tập trung phát triển Internet băng rộng và các dịch vụ mới trên nền IP. Tiếp tục duy trì dịch vụ VoIP Quốc tế đến ở mức sản lượng cao nhằm cố gắng đảm bảo nguồn thu và lợi nhuận. Đẩy mạnh phát triển lưu lượng VoIP quốc tế đi. Tập trung vào phân khúc thị trường là các doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư mới, tòa cao ốc văn phòng,... là đối tượng có doanh thu ổn định và khá cao. Tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ giá thành trên cơ sở kiểm soát việc hạch toán và kiểm tra thực hiện chi phí. Từng bước sử dụng giải pháp cáp quang thay thế cáp đồng. Mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ tại các địa phương lân cận TP HCM, HNI, DN, CTO. Chuẩn bị tốt các dự án đầu tư quan trọng cho kế hoạch kinh doanh năm 2009.
- Ngoài các dịch vụ đã cung cấp trong năm 2007, SPT sẽ đưa vào khai thác các dịch vụ mới như IDD, IP conferencing, IP Phone, ... và thực hiện thử nghiệm kỹ thuật các dịch vụ IPTV, Wimax,... Chuẩn bị tốt việc khai thác kinh doanh năm 2009 dựa trên nền tảng đầu tư của các dự án NGN, AAG, IPCC, Microwave,...
- Bên cạnh đó, nghiên cứu đẩy mạnh việc hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để đẩy mạnh kinh doanh, tăng nguồn thu, rút ngắn các giai đoạn đầu tư,... Tăng cường quan hệ hợp tác về dịch vụ bưu chính chuyên phát với các đối tác nước ngoài.

3.3. Mục tiêu kinh doanh 2008:

- Tổng doanh thu: 1.104,4 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 76,5 tỷ đồng.
- Chi phí khấu hao: 137,7 tỷ đồng.
- Lợi nhuận + khấu hao: 214,2 tỷ đồng.

IV. Báo cáo tình hình tài chính

Xem Phần C- Báo cáo tài chính, bản giải trình và báo cáo kiểm toán thuộc tài liệu này.

V. Những tiến bộ Công ty SPT đã đạt được

5.1. Về cơ cấu tổ chức – nhân sự:

Nhân lực bình quân năm 2007 là 1.606 người không tăng so năm trước nhưng hiệu quả hoạt động kinh doanh đạt được khá tốt. Đây là thành quả của những hoạt động cải tiến về cơ cấu tổ chức và quản trị trong công ty

- Bộ máy tổ chức của các đơn vị kinh doanh và các Phòng Ban tham mưu được sắp xếp lại tinh gọn và hiệu quả hơn.
- Chất lượng của đội ngũ quản lý được chú trọng nâng cao bằng nhiều chương trình đào tạo cơ bản và thực tế.
- Trẻ hóa đội ngũ quản lý, xây dựng các quy trình tác nghiệp và phối hợp phù hợp với thực tế.
- Xây dựng các chính sách đãi ngộ như chính sách phân phối cổ phiếu ưu đãi cho các nhân sự chủ chốt, có chuyên môn nghiệp vụ cao.

5.2. Về kinh doanh:

Thị trường Bưu chính Viễn thông đang ở trong tình trạng cạnh tranh khốc liệt nhưng các chỉ tiêu chủ yếu về tăng trưởng thuê bao, sản lượng, tài chính vẫn đạt được mức tăng trưởng cao hơn mức trung bình của thị trường và cao hơn các năm trước đây.

Do có sự thuận lợi về vốn đầu tư năm 2007, công ty đã tập trung đầu tư vào các dự án chiến lược song song với việc mở rộng nâng cấp hệ thống mạng hiện hữu để kinh doanh. Đây là những yếu tố thuận lợi tạo lợi thế cạnh tranh để phát triển trong tương lai.

Đẩy mạnh việc kinh doanh dịch vụ chuyên phát, băng rộng, dịch vụ VoIP quốc tế và dịch vụ khác trên nền IP, tập trung cung cấp dịch vụ đến các thị trường trọng điểm tại các khu dân cư mới, chung cư, cao ốc văn phòng và chuẩn bị mở rộng dịch vụ đến các tỉnh thành trọng điểm ngoài TP.HCM.

5.3. Về thương hiệu:

Công tác xây dựng thương hiệu luôn được quan tâm đầu tư. SPT đã được bình chọn là Thương hiệu mạnh liên tiếp trong 2 năm 2006 và 2007. Độ nhận biết các dịch vụ chính của công ty được tăng cường trên phạm vi toàn quốc.

5.4. Về trách nhiệm xã hội:

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh, SPT luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và nghĩa vụ với người lao động và xã hội. Trong năm 2007, Công ty đã đóng góp hàng trăm triệu đồng vào các chương trình xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, ủng hộ giúp khắc phục thiên tai, đóng góp quỹ hỗ trợ người nghèo...

VI. Các biện pháp kiểm soát

6.1. Về cơ chế báo cáo:

Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo của Ban điều hành đối với Thường trực Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị. Các báo cáo với các cơ quan cấp trên và Ban Ngành liên quan được thực hiện đầy đủ.

Các báo cáo nội bộ được thực hiện và phản hồi bằng nhiều hình thức phù hợp. Ban điều hành thường xuyên tổ chức họp trao đổi định kỳ với các trường Đơn vị để giải quyết những vấn đề phát sinh chung của Công ty. Các chỉ tiêu, số liệu quan trọng như phát triển thuê bao, chất lượng dịch vụ, giá cước, sự kiện mới nảy sinh... được báo cáo trực tiếp Ban Tổng Giám đốc để kịp thời xử lý.

6.2. Về hệ thống kiểm soát:

Xây dựng hoàn chỉnh các quy định tài chính kế toán, các thủ tục kiểm soát nội bộ; Ban Kiểm toán nội bộ đã đi vào hoạt động trong năm. Hoạt động của bộ phận Pháp chế được tăng cường mạnh mẽ hơn để đảm bảo sự phù hợp của các hợp đồng đối với quy định của pháp luật.

Hoàn thiện các quy trình chuẩn nội bộ các đơn vị, giữa các đơn vị, giữa Đơn vị và Công ty.

VII. Kế hoạch phát triển trong tương lai

7.1. Kinh doanh:

Nhanh chóng đưa vào khai thác mạng NGN để mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ sang các tỉnh thành lân cận và các thị trường trọng điểm có tốc độ tăng trưởng cao về công nghiệp, dịch vụ, thương mại. Đưa dịch vụ IDD vào khai thác, tập trung vào dịch vụ băng rộng để khai thác hiệu quả đầu tư của các dự án trọng điểm.

Đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ; chú trọng đến chất lượng dịch vụ và chăm sóc khách hàng, đặc biệt là các khách hàng đại lý, doanh nghiệp, có ARPU lớn. Đơn giản hóa thủ tục đăng ký lắp đặt.

Liên kết hợp tác với một số đối tác để phát triển dịch vụ nhằm nâng số thuê bao băng rộng và cung cấp các dịch vụ khác. Đưa các dịch vụ mới trên nền IP vào khai thác.

Thuê ngoài và mở rộng kênh phát triển lắp đặt thuê bao, chăm sóc khách hàng, thu cước. Xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, đẩy mạnh công tác bán hàng trực tiếp, phát triển đội ngũ cộng tác viên và đại lý phát triển dịch vụ.

Hoàn thiện cơ chế phân công và quy trình phối hợp chăm sóc khách hàng, tạo thuận lợi cho việc triển khai CSKH qua hệ thống IPCC. Tổ chức hệ thống CSKH một cửa, chuẩn hóa các điểm giao dịch. Đầu tư công cụ hỗ trợ giao dịch viên, phần mềm quản lý, tư vấn thông tin v.v....Tổ chức các chương trình tập huấn nghiệp vụ cho bộ phận CSKH, tạo ý thức tôn trọng khách hàng, gắn lợi ích cá nhân với sự hài lòng của khách hàng bằng các chính sách động viên phù hợp.

Triển khai các gói cước đa dịch vụ tập trung vào những phân khúc thị trường phù hợp. Duy trì ở mức độ cao lưu lượng VoIP quốc tế đến bằng những giải pháp linh hoạt, đồng thời triển khai dịch vụ mới để có nguồn doanh thu thay thế.

Đẩy mạnh hoạt động Marketing, phát triển thương hiệu SPT, hoàn thiện hệ thống nhận diện thương hiệu, nâng cao độ nhận biết và sự ưa thích của khách hàng đối với thương hiệu SPT.

Tìm kiếm sự hợp tác hỗ trợ với các cổ đông chiến lược trong lĩnh vực tài chính, cung cấp dịch vụ, hợp tác đầu tư nhằm đẩy mạnh việc phát triển thị trường, thị phần và mở rộng đầu tư.

7.2. Đầu tư:

Nhóm dự án hạ tầng chiến lược: dự án AAG và tuyến truyền dẫn backhaul, dự án phát triển mạng NGN, dự án mạng truyền dẫn Vi ba. Trung tâm điều hành tại 3 tỉnh thành lớn: tại Hà Nội; Đà Nẵng; Trung tâm Khu CNC-Q.9 và Tòa nhà Trung tâm điều hành tại 199 Điện Biên Phủ.

Nhóm dự án đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh: dịch vụ điện thoại cố định, ADSL, dịch vụ IP và Dịch vụ chuyển phát nhanh trong nước (mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ tại các vùng kinh tế trọng điểm của cả nước như HCM, HNI, CTO, BDG, DNI, VTU).

Triển khai chương trình Chăm sóc khách hàng thông qua quy trình quản lý phát triển thuê bao bằng phần mềm CCBS nhằm quản lý cơ sở dữ liệu về thông tin khách hàng phục vụ cho công tác CSKH (giải quyết khiếu nại,...) để nâng cao tỷ lệ thu cước,

Triển khai hệ thống IPCC, phục vụ công tác CSKH nội bộ chuyên nghiệp hơn và từng bước kinh doanh các dịch vụ có liên quan.

Dự kiến trong năm 2008 công tác nghiên cứu và lập hồ sơ dự án ước tính khoảng 768 tỷ đồng. Trong đó, đầu tư hoàn thành năm 2008 : 263 tỷ đồng.

7.3. Tài chính:

Thực hành tiết kiệm, quản lý chặt giá thành dịch vụ. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Hình thành Ban kiểm toán nội bộ như một đơn vị độc lập để hỗ trợ cho công tác kiểm tra kiểm toán tài chính.

7.4. Cấu trúc tổ chức và nhân sự:

Sắp xếp lại Bộ máy tham mưu tinh gọn và hiệu quả; giải thể hay sát nhập các trung tâm thua lỗ kéo dài, hợp lý hóa mô hình sản xuất kinh doanh để tiếp cận thị trường và khách hàng;

Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo; tổ chức các chương trình huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ;

Hoàn chỉnh chế độ đánh giá năng lực, trả công, khen thưởng động viên kịp thời.

7.5. Kiểm soát:

Thực hiện xuyên suốt các biện pháp kiểm soát và điều chỉnh trong quá trình hoạt động để đảm bảo chuẩn hóa vận hành công việc và đáp ứng hiệu quả với sự biến đổi nhanh của thị trường viễn thông Việt Nam trong giai đoạn hiện nay;

Thực hiện phân cấp và ủy quyền, tạo cơ chế linh hoạt cho các trung tâm kinh doanh hoạt động phù hợp với tình hình phát triển và cạnh tranh trên thị trường.

Phần C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BẢN GIẢI TRÌNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Tổ chức kiểm toán

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán DTL.
- Địa chỉ: 140 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 827 5026 Fax: (84.8) 827 5027
- Email: dtlco@horwathdtl.com.vn
- Website: <http://www.horwathdtl.com>

I. Báo cáo Tài chính
1.1. Bảng cân đối kế toán

Số TT	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	685,285,170,954	962,820,563,427
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	358,601,357,089	234,250,629,248
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	84,275,708,000	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	178,823,057,538	663,910,759,654
4	Hàng tồn kho	48,175,713,245	55,164,897,783
5	Tài sản ngắn hạn khác	15,409,335,082	9,494,276,742
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	963,388,936,578	614,338,713,339
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	496,769,140,682	405,516,708,618
	- Tài sản cố định hữu hình	391,064,398,465	311,943,446,595
	- Tài sản cố định vô hình	22,173,657,640	26,039,950,700
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	83,531,084,577	67,533,311,323
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	433,310,818,696	193,591,596,071
5	Tài sản dài hạn khác	33,308,977,200	15,230,408,650
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1,648,674,107,532	1,577,159,276,766
IV	NỢ PHẢI TRẢ	605,917,161,174	820,609,952,835
1	Nợ ngắn hạn	467,263,831,984	692,275,421,491
2	Nợ dài hạn	138,653,329,190	128,334,531,344
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	1,042,756,946,358	756,549,323,931
1	Vốn chủ sở hữu	1,035,943,164,100	751,827,517,600
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	325,000,000,000	225,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	639,948,631,000	411,005,900,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu ngân quỹ	(1,500,000)	(1,500,000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Quỹ đầu tư phát triển	-	17,968,454,155
	- Quỹ dự phòng tài chính	4,228,517,849	26,714,088,858
	- Các quỹ	-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	66,767,515,251	71,140,574,587
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-

Số TT	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác	6,813,782,258	4,721,806,331
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	4,678,506,331
	- Nguồn kinh phí	-	43,300,000
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1,648,674,107,532	1,577,159,276,766

1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh

Số TT	Nội dung	2007	2006
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	922,053,169,049	1,041,384,265,665
2	Các khoản giảm trừ	197,569,208	83,811,926
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	921,855,599,841	1,041,300,453,739
4	Giá vốn hàng bán	763,614,879,106	707,053,762,317
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	158,240,720,735	334,246,691,422
6	Doanh thu hoạt động tài chính	43,581,658,900	8,977,074,307
7	Chi phí tài chính	14,815,251,033	27,975,298,253
8	Chi phí bán hàng	30,437,285,302	153,185,051,204
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	84,327,383,264	98,152,750,007
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	72,242,460,036	63,910,666,265
11	Thu nhập khác	19,250,459,796	14,004,779,326
12	Chi phí khác	10,113,371,347	2,376,043,991
13	Lợi nhuận khác	9,137,088,449	11,628,735,335
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	81,379,548,485	75,539,401,600
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	14,626,922,365	5,016,844,548
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66,752,626,120	70,522,557,052
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24,479	45,134
18	Cổ tức trên cổ phiếu	12,000	15,000

1.3. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

Chỉ số	2007	2006
Tỷ số thanh toán		
Tỷ số thanh toán hiện hành	1.47	1.39
Tỷ số thanh toán nhanh	1.36	1.31
Tỷ suất sinh lợi		

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	7,24%	6.77%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (%)	4.05%	6.46%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (%)	6.40%	26.53%

1.3.1. Tỷ số thanh toán:

Tỷ số thanh toán của Công ty SPT chuyển biến tích cực do Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ lên 325 tỷ đồng, tăng vốn nguồn vốn đủ để triển khai các dự án, tái cơ cấu nguồn vốn, bổ sung vốn lưu động. Tỷ số thanh toán cho thấy khả năng huy động các nguồn tài sản lưu động để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn năm 2007 tăng so với năm 2006. Tỷ số thanh toán nhanh lớn hơn 1 đảm bảo Công ty có khả năng thanh toán các nguồn nợ ngắn hạn đến hạn.

1.3.2. Tỷ số sinh lợi:

Các tỷ số hoạt động giảm so với năm 2006. Trong năm 2007 Công ty tập trung nhiều vào mở rộng mạng lưới hoạt động, mở rộng kinh doanh, đầu tư vào tài sản cố định, tăng tổng tài sản và vốn chủ sở hữu.

II. Báo cáo Kiểm toán

2.1. Ý kiến kiểm toán độc lập

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2007, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

2.2. Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi. Tuy nhiên ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

2.2.1. Phạm vi kiểm toán

Phạm vi của cuộc kiểm toán này không bao gồm Báo cáo tài chính của Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom). Theo công văn số

8661/BTC-CDKT ngày 14/7/2006 của Bộ Tài chính, Công ty SPT được tạm thời chưa thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Trung tâm S-Telecom vào Báo cáo tài chính của Công ty SPT đến hết năm 2008 để hai Bên hợp doanh có thời gian hoàn thành báo cáo quyết toán vốn đầu tư cũng như xác định giá trị tài sản vô hình của Công ty SPT vào dự án.

Bên cạnh đó, số liệu kế toán của Trung tâm Điện thoại Nam Sài Gòn được căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Trung Tâm.

2.2.2. Công trình mạng cáp dờ dang

Chi phí xây dựng công trình cáp dờ dang đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm chi phí cáp và chi phí xây dựng khác như được nêu tại mục 5.4 “Hàng tồn kho”, mục 5.5 (c) “Chi phí xây dựng cơ bản dờ dang” của thuyết minh báo cáo tài chính.

Hiện nay, Công ty đang tập hợp chi phí xây dựng khác theo thực tế phát sinh và sẽ ghi giảm căn cứ vào Biên bản quyết toán công trình hoàn thành. Vì vậy, chi phí xây dựng khác còn dờ dang chủ yếu là chi phí của các công trình đang thi công, công trình đã thi công xong nhưng chưa được quyết toán. Ngoài ra, có một số công trình phát sinh tại Trung tâm STC chưa tách được chi phí cho từng công trình nên khi quyết toán không xử lý được kịp thời số liệu chênh lệch giữa chi phí thực tế phát sinh và chi phí được quyết toán. Vì vậy, số dư chi phí xây dựng cơ bản nêu trên sẽ còn tồn đọng các khoản chênh lệch giữa chi phí thực tế phát sinh và giá trị quyết toán của các công trình hoàn thành.

Mặt khác, một số công trình cáp đã hoàn thành và đi vào khai thác nhưng do chưa có quyết toán nên Công ty chưa ghi tăng tài sản cố định. Vì vậy, Công ty chưa tạm trích khấu hao các công trình này vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Như vậy, nếu khoản chênh lệch như trình bày ở trên được ghi nhận thì kết quả kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 sẽ tăng (giảm) đi một khoản tương ứng. Ngoài ra, đối với các công trình cáp đã hoàn thành và đi vào khai thác nhưng chưa có quyết toán, nếu Công ty tạm trích khấu hao vào chi phí trong kỳ thì kết quả kinh doanh trong năm sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

2.2.3. Nợ phải trả người bán

Khoản nợ phải trả và ứng trước cho người bán đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 với số tiền lần lượt là 62,18 tỷ đồng và 44,86 tỷ đồng chưa thực hiện thủ tục xác nhận nợ đầy đủ. Vì vậy, chúng tôi không đủ cơ sở để cho ý kiến các khoản mục trên.

2.3. Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề trên, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh

trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn vào ngày 31/12/2007 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý vấn đề sau:

Hiện nay, do thị trường chứng khoán Việt Nam đang bị biến động nên trị giá của các khoản đầu tư cổ phiếu vào cuối năm 2007 cũng sẽ bị ảnh hưởng theo. Mặc dù đây là những khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty cũng nên xem xét và trích lập dự phòng tổn thất đầu tư theo quy định tại Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài Chính.

Phần D

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

I. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty SPT: không có.

II. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty SPT nắm giữ: không có.

III. Báo cáo tình hình góp vốn thực tế của Công ty SPT vào các đơn vị liên doanh, các công ty cổ phần khác đến ngày 31/12/2007

3.1. Công ty Phát triển Phần mềm Sài Gòn (SDC):

- Trụ sở: 10 Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 404 0555 Fax: (84.8) 404 0556
- Vốn điều lệ: 814.774,20 USD
- Vốn góp của Công ty SPT: 5.352.799.662đ đồng, chiếm tỷ lệ 43,42% Vốn điều lệ Công ty SDC.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh phần mềm
- Dịch vụ tin học; Cung cấp máy tính, thiết bị mạng và phần mềm trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông.

3.2. Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom):

- Trụ sở: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 404 0079 Fax: (84.8) 925 4287
- Vốn hoạt động: 229.617.000 USD
- Vốn góp của Công ty SPT: 268.163.030.627 đồng
- Ngành nghề kinh doanh: Cung cấp dịch vụ thông tin di động.

3.3. Công ty Cổ phần Cấp Sài Gòn (SCC):

- Trụ sở: Khu công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 351 4127 Fax: (061) 351 4126
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4703000255 Sở KH&ĐT tỉnh Đồng nai cấp
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty SPT: 21.900.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 6,3 % Vốn điều lệ Công ty SCC.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh các loại cáp vật liệu viễn thông.

3.4. Công ty Cổ phần Nhựa Sacom (SPC):

- Trụ sở: Khu công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 351 4166 Fax: (061) 351 4165
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4703300327 Sở KH&ĐT tỉnh Đồng nai cấp
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty SPT: 2.091.360.000 đồng, chiếm tỷ lệ 4,18% Vốn điều lệ Công ty SPC.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm ống nhựa.

3.5. Công ty Cổ phần Vật liệu Điện và Viễn Thông (Sametel):

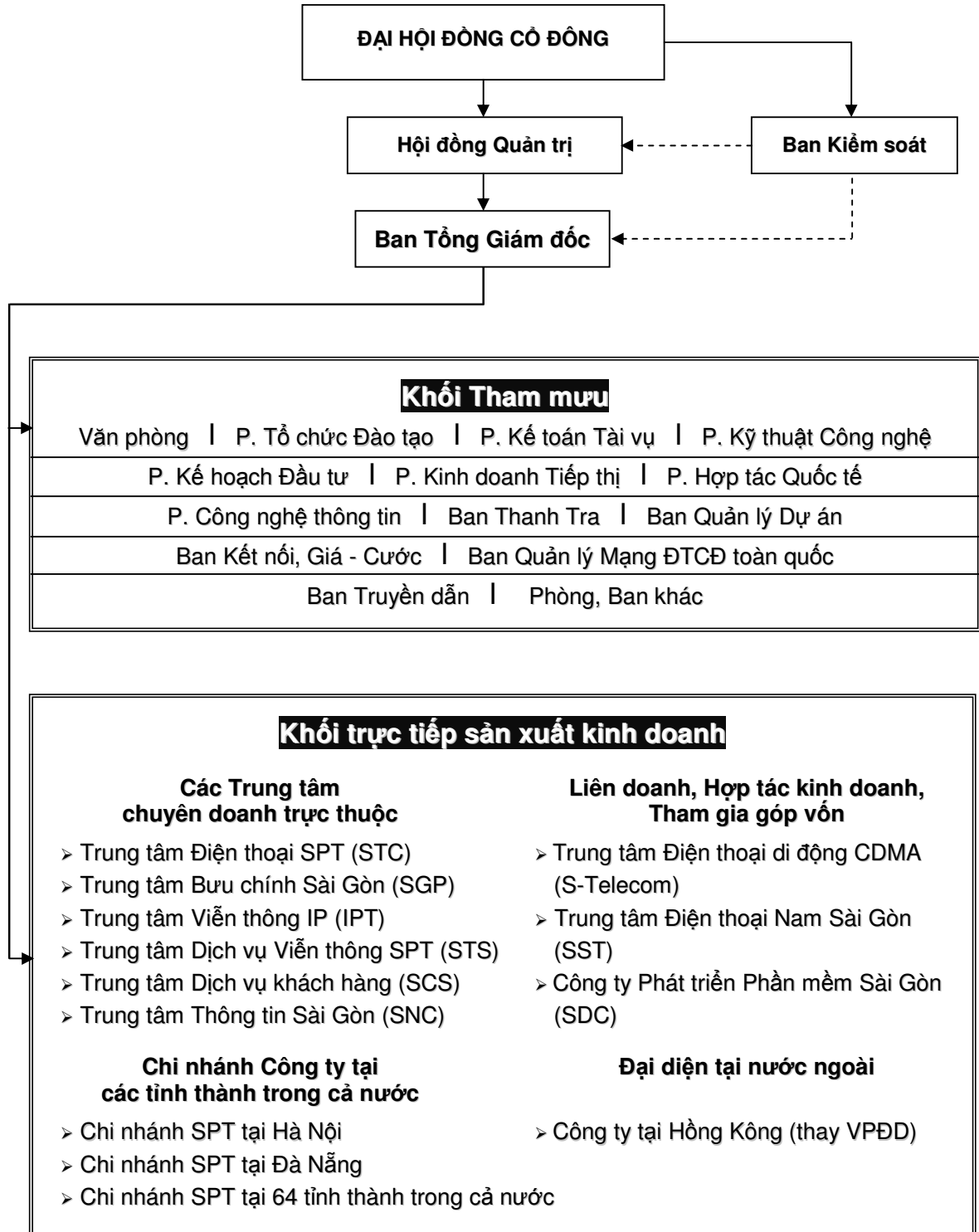
- Trụ sở: đường số 1, Khu công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 351 4277 Fax: (061) 351 4276
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4703000342 Sở KH&ĐT tỉnh Đồng nai cấp
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty SPT: 1.250.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 5,00% Vốn điều lệ Công ty SPC.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, lắp ráp các thiết bị vật liệu điện.

3.6. Khu công nghệ cao:

- Trụ sở: Lô 6.1 tòa nhà Etown2, số 364 Cộng hòa, F13 Q TB. TP.HCM
- Điện thoại: (08) 810 0017 Fax: (08) 810 0337
- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4103006017 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.
- Vốn góp của Công ty SPT: 15.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 5,00% Vốn điều lệ Khu công nghệ cao.
- Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các công trình hạ tầng

Phần E TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. Cơ cấu tổ chức Công ty



II. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Điều hành Công ty

Ban Tổng Giám đốc: 06 thành viên và Kế toán trưởng

2.1. Ông PHẠM NGỌC TUẤN, Tổng Giám đốc

(Vui lòng xem Phần F. I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát)

2.2. Ông NGUYỄN NHẬT TÂN, Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cần Thơ.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Điện thoại Nam Sài Gòn (SST)
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cổ phần cá nhân: 462 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,014% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.3. Bà HUỖNH NGỌC CẨM, Phó Tổng Giám đốc

(Vui lòng xem Phần F. I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát)

2.4. Ông TÔN MINH THÔNG, Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thị xã Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật, Kỹ sư Máy tính, Kỹ sư Vô tuyến thông tin.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT kiêm nhiệm Giám đốc Ban Quản lý Dự án Mạng truyền dẫn MicroWave SPT
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cổ phần cá nhân: 462 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,014% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.5. Ông LÊ QUANG TRIỆU, Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Huyện Mộ Cày, Tỉnh Bến Tre.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật Viễn thông, Kỹ sư Vô tuyến điện và thông tin, Cao đẳng Kỹ sư thực hành Vô tuyến điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cổ phần cá nhân: 249 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.6. Ông HỒ HỒNG SON, Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1957
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cam Lộ, Quảng Trị.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Công nghệ lọc hóa dầu.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT kiêm nhiệm Giám đốc điều hành Trung tâm Điện thoại di động CDMA (S-Telecom)
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cổ phần cá nhân: 249 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,010% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.7. Ông NGUYỄN LỆ, Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Thuận

- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư Công nghệ thông tin
- Chức vụ công tác hiện nay: Quyền Kế toán trưởng Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cổ phần cá nhân: 392 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

III. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động

- Số lượng cán bộ, nhân viên đến ngày 31-12-2007 là 1.604 người (không bao gồm Trung Tâm S- Telecom và SST).

- Thu nhập bình quân của Cán bộ, viên chức: 4,1 triệu đồng/người/tháng.

- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách của nhà nước quy định cho người lao động. Phối hợp với Công đoàn thực hiện các phúc lợi khác như chế độ cho lao động nữ, con nhân viên, trợ cấp hoặc các hình thức chăm lo khác cho gia đình nhân viên.

- Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các khoá đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức, trình độ quản lý cho cán bộ lãnh đạo trong và ngoài nước, tổ chức các khóa huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho viên chức kỹ thuật, trực tiếp sản xuất...

Phần F

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

1.1. Hội đồng Quản trị: gồm 11 thành viên và có cơ cấu như sau:

- Thành viên thường trực:
 - + Bà Trần Thị Ngọc Bình, Chủ tịch.
 - + Ông Nguyễn Dương Hiệu, Phó Chủ tịch.
 - + Bà Huỳnh Ngọc Cẩm, Ủy viên Thường trực.
- Thành viên không thường trực:
 - + Ông Đặng Minh Đạt, Ủy viên.
 - + Ông Nguyễn Văn Vân, Ủy viên.
 - + Ông Nguyễn Phước Minh, Ủy viên.
 - + Ông Nguyễn Quang Sơn, Ủy viên.
 - + Ông Nguyễn Hữu Thắng, Ủy viên.

- + Ông Nguyễn Bá Thước, Ủy viên.
- + Ông Nguyễn Quang Tiên, Ủy viên.
- + Ông Phạm Ngọc Tuấn, Ủy viên – Tổng Giám đốc

1.1.1. Bà **TRẦN THỊ NGỌC BÌNH**, Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gò Dầu, Tây Ninh
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống Vô tuyến điện
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Ban Tài chính Quản trị Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh sở hữu: 132.171 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,067% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 419 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,013% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.2. Ông **NGUYỄN DƯƠNG HIỆU**, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Yên, Hà Bắc
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành (Sunimex)

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Tổng Công ty Bến Thành (Sunimex) sở hữu: 135.491 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,169% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,015% Vốn

điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.3. Bà **HUỲNH NGỌC CẨM**, Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Gò Công, Tiền Giang
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị Công ty SPT – Phó Tổng Giám Đốc Công ty SPT.
- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty TNHH 1 thành viên Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh (Saigon Petro) sở hữu: 132.248 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,069% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 521 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,016% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.4. Ông **ĐẶNG MINH ĐẠT**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cần Đước, Long An
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính
- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Chánh Văn phòng Quận ủy Quận 1

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Quận ủy Quận 1 sở hữu: 132.061 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,063% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 298 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,009% Vốn

điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.5. Ông **NGUYỄN VĂN VÂN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1954
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trung Ngãi, Vũng Liêm, Vĩnh Long
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
 - + Giám đốc Công ty Quản lý Nhà Quận 1
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Công ty Quản lý Nhà Quận 1 sở hữu: 512.291 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15,763% Vốn điều lệ.
 - + Cổ phần cá nhân: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.6. Ông **NGUYỄN HỮU THẮNG**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1965
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hóa
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
 - + Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Kinh doanh Nhà Bến Thành
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Kinh doanh Nhà Bến Thành sở hữu: 128.050 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,940% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 298 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,009% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.7. Ông **NGUYỄN PHƯỚC MINH**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1955

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Diêu Trì, Tuy Phước

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Phó Trưởng Ban Tài chính Quản trị Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty TNHH 1 thành viên Du lịch – Thương mại Kỳ Hòa sở hữu: 134.482 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,138% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 399 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.8. Ông **NGUYỄN QUANG SƠN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1957

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Sài Gòn

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Giám đốc Công ty Đầu tư Miền Đông (MGICO)

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty Đầu tư Miền Đông sở hữu: 60.259 cổ

phần, chiếm tỷ lệ 1,854% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 399 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.9. Ông **PHẠM NGỌC TUẤN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1952

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Tiền Giang

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh.

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc Công ty SPT

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Công ty Cổ phần TIE sở hữu: 66.336 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,041% Vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: 338 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,010% Vốn điều lệ.

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.10. Ông **NGUYỄN QUANG TIÊN**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1954

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Quảng Nam – Đà Nẵng

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

- Chức vụ công tác hiện nay:

+ Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành

+ Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông

+ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Saigon Ford

- + Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dana Ford
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Công ty Savico sở hữu: 127.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 3,923% Vốn điều lệ.
 - + Cổ phần cá nhân: 399 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,012% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.1.11. Ông **NGUYỄN BÁ THUỐC**, Ủy viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1950
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Diễn Châu, Nghệ An
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Viễn thông
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
 - + Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)
 - + Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty tài chính Bưu điện
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam sở hữu: 475.714 cổ phần, chiếm tỷ lệ 14,637% Vốn điều lệ.
 - + Cổ phần cá nhân: 338 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,010% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.2. Ban Kiểm soát: gồm 03 thành viên và có cơ cấu như sau:

- Thành viên thường trực:
 - + Bà Nguyễn Ngọc Tuyên, Thành viên thường trực.
- Thành viên không thường trực:
 - + Ông Thân Hải Thanh, Trưởng Ban.
 - + Ông Bùi Xuân Bắc, Phó Trưởng ban.

2.2.1. Ông **THÂN HẢI THANH**, Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1950
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Nam
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân chính trị
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Trưởng ban Ban Kiểm soát Công ty SPT
 - + Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH 1 thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành (Ben Thanh Tourist)
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Công ty TNHH 1 thành viên Dịch vụ Du lịch Bến Thành sở hữu: 49.995 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,538% Vốn điều lệ.
 - + Cổ phần cá nhân: 480 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,015% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.2.2. Ông **BÙI XUÂN BẮC**, Phó Trưởng ban Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Phó Trưởng ban Ban Kiểm soát Công ty SPT
 - + Phó Giám đốc Công ty TNHH TNT (T&T Co. Ltd)
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Công ty TNHH TNT sở hữu: 131.099 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,034% Vốn điều lệ.
 - + Cổ phần cá nhân: 298 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,009% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.2.3. Bà **NGUYỄN NGỌC TUYỀN**, Thành viên thường trực Ban

Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty SPT
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cổ phần cá nhân: 90 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,003% Vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

II. Thống kê về cổ đông**2.1. Cổ đông góp vốn trong nước**

- Cơ cấu cổ đông góp vốn trong nước đến ngày 31/12/2007:

CỔ ĐÔNG	Tổng số vốn cổ phần (Mệnh giá 100.000đ/cp)		
	Tổng số tiền	SL cổ phần	Tỷ lệ %
Cổ đông DNNN, Tổ chức CT - XH	250.279.700.000	2.502.797	77,009%
Cổ đông tổ chức ngoài DNNN, Tổ chức CT - XH	37.074.700.000	370.747	11,408%
Cổ đông là cá nhân ngoài công ty	31.333.000.000	313.330	9,641%
Cổ đông là cán bộ viên chức Công ty	2.963.600.000	29.636	0,912%
Cổ phiếu quỹ	1.500.000	15	0,000%
Cổ phiếu ưu đãi	3.347.500.000	33.475	1,030%
TỔNG CỘNG	325.000.000.000	3.250.000	100,000%

2.2. Các cổ đông lớn của Cty SPT (có tỷ lệ vốn góp từ 3% trở lên/Tổng vốn điều lệ):

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KD	SL CỔ PHẦN (Mệnh giá 100.000đ/1cp)	TỶ LỆ VỐN GÓP
TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH (SUNIMEX)	71-79 Đồng Khởi, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	Dịch vụ thương mại, sản xuất và đầu tư	135.491	4,169%
CTY TNHH 1 TV DU LỊCH - THƯƠNG MẠI KỸ HÒA	12 Đường 3/2, P.12, Q.10, TP.HCM	Nhà hàng - khách sạn	134.482	4,138%
BAN TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ THÀNH ỦY	135 Trương Định, P.7, Q.3, TP.HCM	Đa ngành nghề	132.171	4,067%
CÔNG TY TNHH 1 TV DẦU KHÍ TP.HCM (SAIGONPETRO)	27 Nguyễn Thông, P.7, Q.3, TP.HCM	Sản xuất, kinh doanh xăng dầu khí đốt và liên doanh sản xuất KD nhớt	132.248	4,069%
CÔNG TY TNHH T.N.T (T&T CO. LTD)	258 Bis Trần Hưng Đạo, P.Ng Cư Trinh, Q1, TP.HCM	Kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng	131.099	4,034%
CÔNG TY CP DV TỔNG HỢP SÀI GÒN (SAVICO)	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Ng Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Dv sinh hoạt và sửa chữa, bảo hành các tư liệu SX và tiêu dùng, DV du lịch và thương nghiệp, SX và XNK.	127.500	3,923%
QUẬN ỦY QUẬN I	30 Phùng Khắc Khoan, P.Đakao, Q.1, TP.HCM	Thu mua, gia công chế biến, KD các mặt hàng nông lâm thủy hải sản	132.061	4,063%
CTY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KD NHÀ BẾN THÀNH	104 Cống Quỳnh, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.HCM	KD nhà, xây nhà ctrình, nhà ở và XD khác.	128.050	3,940%
CÔNG TY QUẢN LÝ NHÀ QUẬN I	28-30 Nguyễn Thái Bình, P.Ng Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Quản lý bảo dưỡng nâng cấp nhà, phát triển nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.	512.291	15,763%
TỔNG CÔNG TY BC VIỄN THÔNG (VNPT)	01 Đào Duy Anh (Toà nhà Hàng Hải), Hà Nội	KD các dv BCVT, khảo sát thiết kế XD các ctrình BCVT, XNK cung ứng vtư thiết bị BCVT	475.714	14,637%
NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM	198 Trần Quang Khải, Q Hoàn Kiếm Hà Nội	Ngành Tín dụng	125.000	3,846%
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB	09 Lê Ngô Cát, P.7, Q.3, TP.HCM	Chứng khoán	150.000	4,615%
QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM	Tầng 12 tháp A, Vincom City, 191 Bà Triệu, Hà Nội	Đầu tư	100.000	3,077%

2.3. Cổ đông nước ngoài

Công ty SPT không có cổ đông nước ngoài.

Ngày ____ tháng ____ năm 2007

Tổng Giám đốc

PHẠM NGỌC TUẤN